

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 27-5-2021

V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2021 /QĐXXPT – HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984

Trú tại: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo ủy quyền của anh M: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1960; Trú tại : Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020)

- Bị đơn: Chị Đàm Thị S, sinh năm 1987

Trú tại: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1962

2. NLQ2, sinh năm 1959

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2: NLQ1, sinh năm 1962 (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020)

3. NLQ3, sinh năm 1989

4. NLQ4, sinh năm 1992

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ3: NLQ4, sinh năm 1992 (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020)

Các đương sự đều trú tại: Tổ dân phố số 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

5. NLQ5, sinh năm 1987

6. NLQ6 (chồng NLQ5)

Đều trú tại: Số nhà 335 N, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng;

7. NLQ7, sinh năm 1974

8. NLQ8, sinh năm 1974

Đều trú tại: Tổ dân phố số 01, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định;

9. NLQ9, sinh năm 1978

10. NLQ10, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

11. NLQ11, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm N, thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

12. NLQ12, sinh năm 1971

13. NLQ13, sinh năm 1972

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ12: NLQ13, sinh năm 1972 (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020)

Đều trú tại: Đội 12, H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

14. NLQ14, sinh năm 1973

15. NLQ15, sinh năm 1977

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ14: NLQ15, sinh năm 1977 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2020)

Đều trú tại: Xóm 7 H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

16. NLQ16, sinh năm 1969

17. NLQ17, sinh năm 1974

Đều trú tại: Tổ 7, khu 10, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

18. NLQ18, sinh năm 1978

19. NLQ19, sinh năm 1987

Đều trú tại: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

20. NLQ20

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Tiến G - Chủ tịch Ủy ban xã N.

- *Người làm chứng:* Vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1981 và chị Phạm Thị Thơm, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm 12, thôn Cầu Thiệu, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.
Vắng mặt.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực.

Tại phiên toà: Ông Nguyễn Tiến G, NLQ16, NLQ17, NLQ9, NLQ10, NLQ5, NLQ6, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ7, NLQ8, đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Có mặt: NLQ11, NLQ13, NLQ15.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2019; Bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Đàm Thị S kết hôn ngày 16/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N. Ngày 27/02/2019 Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã giải quyết cho ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại bản án số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 27/02/2019, riêng về phần tài sản chưa được giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình vợ chồng chung sống, ngày 09/7/2015 (tức ngày 24/5/2015 âm lịch) anh và chị S mua lại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20 tại thôn Cau, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định có diện tích 160m² là đất ở lâu dài của vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng và chị Phạm Thị Thơm (trú tại: Xóm 12, thôn Cầu Thiệu, xã N, huyện Nam Trực) nhưng thửa đất mang tên NLQ18 và NLQ19 với giá là 88.600.000 đồng. Khi mua bán hai bên có lập văn bản viết tay ghi "Giấy biên nhận giao tiền" và cùng ký nhận, có người làm chứng nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Vợ chồng anh Dũng đã nhận đủ tiền và giao lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên NLQ18, NLQ19 cho vợ chồng anh. Hiện nay anh và chị S vẫn chưa sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đến năm 2017, vợ chồng anh làm nhà ống tổng diện tích khoảng 75m² công trình khép kín mái bằng, xây tường bao quanh nhà, khu vực

trước nhà, hông nhà, trụ công, tổng chi phí xây dựng khoảng 345 triệu đồng. Đến nay anh và chị S không thỏa thuận được việc phân chia tài sản. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh xin được nhận tài sản và có trách nhiệm trả chênh lệch cho chị S.

Về công nợ: Anh và chị S không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không nhất với các khoản nợ mà chị S khai vay bên người thân của gia đình chị S để trả tiền mua đất và xây nhà. Vì khi mua đất của anh Dũng, chị Thơm thì anh chị đã có 40 triệu đồng và được bố mẹ đẻ anh (ông Hường, bà Liệu) cho 50 triệu đồng nên không phải vay. Khi làm nhà, vợ chồng anh có tài sản tích lũy nhưng cụ thể là bao nhiêu anh không biết. Anh làm thợ cơ khí hàng tháng thu nhập 06 triệu đồng, chị S làm công nhân cũng có thu nhập nhưng cụ thể bao nhiêu anh không biết, khi nhận lương anh đều bỏ vào tủ, anh và chị S sử dụng chung. Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, chị S là người quản lý kinh tế và chi tiêu chính trong gia đình. Anh thừa nhận khi làm nhà có vay của NLQ17 NLQ16 20 triệu đồng; vay của NLQ13 NLQ12 03 chỉ vàng và vay chị Minh NLQ14 10 triệu đồng, hiện chưa trả. Anh không nhất trí với các khoản chị S khai vay phía bên ngoại để trả tiền mua đất và làm nhà là công nợ chung của vợ chồng. Vì anh không biết chị S vay để làm gì, anh không hỏi vay và không nhận tiền của họ, nếu chị S vay thì chị S phải có trách nhiệm trả.

Tại bản tự khai ngày 27/5/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại toà án, bị đơn chị Đàm Thị S trình bày: Năm 2015 chị và anh M mua lại thửa đất của vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng và chị Phạm Thị Thơm đúng như anh M trình bày, trên đất có nhà tạm. Đến năm 2017, do có bão nên nhà bị hư hỏng không thể ở được, chị bàn với anh M vay mượn để làm nhà, tổng diện tích 88m² công trình khép kín mái bằng và đổ thêm 10m² sân phụ. Tổng chi phí hoàn thiện công trình xây dựng nhà là 395.000.000 đồng.

Về công nợ chung: Do vợ chồng làm nghề tự do thu nhập thấp không có tài sản tích lũy nên chị phải đứng ra vay toàn bộ, cụ thể:

1. Đối với số tiền 88.600.000 đồng mua đất trả cho anh Dũng chị Thơm chị đứng ra vay như sau: Tháng 6/2015 vay của NLQ1 và NLQ2 07 chỉ vàng 9999; vay của NLQ6 và NLQ5 là 25 triệu đồng; của NLQ8, NLQ7 05 chỉ vàng 9999; NLQ9 và NLQ10 10 triệu đồng và vay NLQ11 12 triệu đồng. Tổng số tiền vay của những người trên là: 47 triệu đồng và 12 chỉ vàng 9999 (giá vàng thời điểm vay bán ra là 3.300.000 đồng/chỉ loại 9999). Còn thiếu bao nhiêu chị bán vàng là quà cưới của chị để bù vào.

2. Kinh phí làm nhà chị đứng ra vay của những người sau: Vay gia đình các chị gái nhà anh M, gồm: Vay của NLQ16 và NLQ17 20 triệu đồng; của anh Việt và chị Hạnh 05 triệu đồng; vay NLQ12 và NLQ13 03 chỉ vàng 9999; vay NLQ14 và NLQ15 10 triệu đồng;

Vay của bố mẹ đẻ và người thân phía nhà chị (Sáu), gồm: NLQ1 và NLQ2 10 triệu đồng và 10 chỉ vàng 9999; NLQ7 và NLQ8 10 chỉ vàng 9999; NLQ11

33 triệu đồng và 16 chỉ vàng 9999; NLQ6 và NLQ5 08 chỉ vàng 9999; NLQ3 và NLQ4 10 chỉ vàng 9999; NLQ9 và NLQ10 30 triệu đồng và 1,5 chỉ vàng 9999; còn thiếu chi tự nguyện bán 20 chỉ vàng là tài sản riêng của chị để bù vào.

Năm 2018 vay ngân hàng chính sách xã N (Sổ vay nước sạch) 12 triệu đồng, hàng tháng phải trả lãi 121.000 đồng.

Hiện nay số tiền vay trên chị mới trả được cho chị Hạnh 05 triệu đồng còn lại chưa trả được cho ai. Đối với Sổ vay nước sạch, trong quá trình tố tụng tại tòa án anh M đã tự nguyện trả 06 triệu đồng, số tiền còn lại chị nhận trách nhiệm trả cho Ngân hàng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tổng số tài sản vay làm nhà còn nợ là: 103 triệu đồng và 58,5 chỉ vàng 9999.

Tổng số tiền vay mua đất, làm nhà còn nợ là: 150.000.000 đồng và 58,5 chỉ vàng 9999 (giá vàng thời điểm vay bán ra khoảng 3.400.000đồng/chỉ loại 9999). Trong đó: NLQ1, NLQ2 10 triệu và 17 chỉ; NLQ6 NLQ5 25 triệu và 08 chỉ vàng; NLQ7, NLQ8 03 chỉ vàng (15 chỉ đã trả được cho NLQ8 NLQ7 12 chỉ vàng 9999); NLQ9 NLQ10 40 triệu và 1,5 chỉ vàng; NLQ3 NLQ4 10 chỉ vàng; NLQ11 45 triệu và 16 chỉ vàng; NLQ12 NLQ13 03 chỉ vàng; NLQ14 chị Minh 10 triệu và NLQ16 NLQ17 20 triệu đồng.

Khi vay tài sản của những người trên chị có bàn với anh M, anh M nói "Kệ mày, mày muốn làm gì thì làm", khi chị gọi điện hỏi vay anh M đều biết. Các chị của anh M và bố đẻ chị (NLQ1) trực tiếp mang tiền, vàng đến giao cho chị. Riêng NLQ17 thì chuyển qua tài khoản của chị 20 triệu đồng, số còn lại chị tự đi lấy. Khi vay hai bên không có viết giấy biên nhận gì, chỉ nói bằng miệng, bên cho vay không T lãi suất, thời hạn trả khi nào cần thì báo trước một tuần để thu xếp. Từ ngày chị và anh M mua đất làm nhà và sử dụng đến nay không có tranh chấp gì với ai, không ai đến đòi đất. Nay anh M đề nghị chia tài sản chung chị có nguyện vọng lấy nhà đất và nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên. Mục đích sau này để lại tài sản cho các con. Nếu anh M không đồng ý mà có nguyện vọng lấy nhà đất thì chị cũng nhất trí giao cho anh M toàn quyền sử dụng, anh M phải trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho mọi người. Trường hợp anh M không đồng ý, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trị giá tài sản chung của chị và anh M chia đôi, ai ở thì phải trả chênh lệch cho bên kia và công nợ chung chia mỗi người 1/2.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 và NLQ2 trình bày: Khoảng năm 2015, khi vợ chồng anh M, chị S mua đất, chị S không điện thoại cho ông mà đến thẳng nhà ông nói "Bố đứng ra vay cho con 100 triệu" để trả tiền mua đất. Ông đã hỏi NLQ8, NLQ7; NLQ4, NLQ3; NLQ11 có tiền, vàng thì cho chị S vay. Họ nhất trí. Sau đó chị S trực tiếp đến từng nhà vay tài sản, ông không biết những người này cho chị S vay tài sản gì, bao nhiêu. Khi chị S mua đất vợ chồng ông không cho chị S vay khoản tiền, vàng nào, mà chỉ đứng ra hỏi hộ chứ không trực tiếp vay hộ. Đến khi anh M chị S làm nhà, chị S đến nhà ông hỏi, ông bà cho chị S vay 10 chỉ vàng 9999

và 10 triệu đồng. Ngoài số tiền vay trên vợ chồng ông cho anh M chị S toàn bộ tiền mua gạch 25 triệu đồng và cho thêm 35 triệu đồng, số tiền này ông đưa tại nhà mới của anh M và chị S.

2. NLQ11 trình bày: Bà là dì ruột của chị Đàm Thị S. Khoảng năm 2015, chị S đến nhà bà hỏi vay, bà đồng ý cho chị S vay 12.000.000 đồng để trả tiền mua đất. Đến khoảng năm 2017 chị S và anh M làm nhà, chị S lại đến hỏi vay, bà đồng ý cho chị S vay 33 triệu đồng và 16 chỉ vàng 9999. Tổng số bà cho chị S vay là 45.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 9999. Thời gian cho vay cụ thể bà không nhớ. Số tiền, vàng cho chị S vay là tài sản riêng của bà, bà giao cho chị S nhận tại nhà bà.

3. NLQ8 trình bày: Bà là dì ruột của chị Đàm Thị S. Năm 2015 chị S đến nhà bà hỏi vay tài sản để mua đất, bà đồng ý cho chị S vay 05 chỉ vàng. Đến năm 2017, chị S lại hỏi vay tài sản để làm nhà, bà đã cho chị S vay 10 chỉ vàng. Cả 02 lần vay là 15 chỉ vàng 9999, bà trực tiếp giao cho chị S tại nhà bà. Cuối năm 2018 và tháng 01 năm 2019 chị S đã trả cho ông bà 12 chỉ, hiện còn nợ 03 chỉ vàng.

4. NLQ4 trình bày: Chị là vợ của anh Đoàn Văn Tám (em trai chị S). Năm 2017, chị S có hỏi vợ chồng chị vay tài sản để làm nhà, anh chị đồng ý cho chị S vay 10 chỉ vàng 9999, chị và NLQ3 trực tiếp giao tài sản cho chị S tại nhà chị.

5. NLQ9 trình bày: Ông là chồng của NLQ10 (dì ruột của chị S). Năm 2015, chị S hỏi vay tiền để mua đất. Ngày 01/10/2015 vợ chồng ông đồng ý cho chị S vay 10.000.000 đồng. Đến năm 2017 chị S và anh M làm nhà, chị S lại trực tiếp hỏi vay, ông bà đồng ý cho vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 01/10/2017 và 1,5 chỉ vàng vào ngày 03/10/2017. Cả 3 lần cho chị S vay tổng số là 40 triệu đồng và 1,5 chỉ vàng 9999, chị S đều đến trực tiếp gia đình ông để hỏi và được NLQ10 giao cho chị S nhận trực tiếp tại nhà ông bà.

6. NLQ5 và NLQ6 trình bày: Chị là vợ NLQ6, NLQ6 là anh trai chị S. Tháng 6 năm 2015, chị S gọi điện cho NLQ6 hỏi vay tiền để mua đất nên vợ chồng chị đồng ý cho chị S vay 25 triệu đồng. Đến ngày 11/10/2017 chị S xây nhà có gọi điện hỏi vay nên vợ chồng đồng ý cho chị S vay 08 chỉ vàng 9999. Cả hai lần vay đều do chị S hỏi và chị là người giao tài sản, hai bên không viết giấy biên nhận gì mà chị có ghi vào sổ tay của chị không có chữ ký của chị S.

Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên đều trình bày: Số tiền, vàng cho chị S vay trên là tài sản chung của vợ chồng họ (đối với NLQ11 là tài sản riêng), chị S là người trực tiếp đến nhà hỏi vay (riêng NLQ5 NLQ6 chị S gọi điện) và chị S là người trực tiếp nhận tài sản, anh M không chứng kiến, cũng không liên lạc để hỏi vay và họ cũng không thông báo anh M biết về việc cho chị S vay tài sản trên. Do chị S là người thân trong gia đình nên khi cho vay hai bên không lập văn bản gì, không yêu cầu lãi suất và thời hạn trả, hiện chị S vẫn còn nợ chưa trả. Nay anh M và chị S giải quyết việc chia tài sản chung khi ly hôn, các ông bà (anh chị) trên đều yêu cầu anh M, chị S có trách

nhiệm trả cho họ toàn bộ số nợ gốc, không yêu cầu lãi suất.

7. NLQ15 trình bày: Anh M là em trai chị. Tháng 7 năm 2017 vợ chồng chị có cho anh M và chị S vay 10 triệu đồng để làm nhà, do chị S đi làm nên chị đưa cho anh M nhận, tối về chị có điện cho chị S nói anh chị không có nhiều chỉ có vậy thôi chị S đáp "vâng".

8. NLQ13 trình bày: Anh M là em trai chị. Tháng 9 năm 2017 vợ chồng chị có cho anh M và chị S vay 03 chỉ vàng 9999 để làm nhà. Do chị S đi làm nên chị giao cho anh M nhận, sau đó chị S mang 03 chỉ vàng nhờ chị bán hộ, đến tối cùng ngày chị S đi làm về đã vào nhà chị nhận đủ số tiền do chị bán vàng hộ.

9. Anh Phạm Hồng Thứ (Rung) trình bày: Anh M là em trai NLQ17, NLQ17 là vợ anh. Khoảng tháng 9 năm 2017, vợ chồng anh có cho anh M và chị S vay 20 triệu đồng mục đích để xây nhà. Do ở xa nên vợ chồng anh đã chuyển trực tiếp vào số tài khoản của chị S.

NLQ13, chị Minh và NLQ16 NLQ17 đều trình bày: khi cho anh M chị S vay tài sản hai bên không viết giấy biên nhận, không yêu cầu lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Đây là tài sản chung của vợ chồng, hiện vẫn chưa trả. Nay anh M và chị S giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn, các anh chị đều yêu cầu chị S và anh M có trách nhiệm trả khoản nợ gốc, không yêu cầu lãi suất.

10. NLQ18 và NLQ19 trình bày: Năm 2006 vợ chồng anh mua đất của Ủy ban nhân dân xã N với diện tích 160m² sau đó anh chị san lấp xây gia trại để chăn nuôi, đến năm 2010 gia đình anh không có nhu cầu sử dụng nên đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Dũng, chị Thơm người cùng xóm. Đến năm 2013 vợ chồng anh mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 72, tờ bản đồ số 20, vợ chồng anh đã đưa luôn giấy chứng nhận mang tên vợ chồng anh cho vợ chồng anh Dũng, chị Thơm, hai bên chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Năm 2015 anh chị được biết vợ chồng anh Dũng, chị Thơm đã nhượng lại diện tích đất trên cho vợ chồng anh M, chị S còn giá bao nhiêu anh chị không biết. Anh M, chị S đã sử dụng ổn định từ năm 2015 đến nay, vẫn chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng anh không có tranh chấp gì đối với tài sản này. Do điều kiện công việc, anh chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc. Khi bản án có hiệu lực pháp luật anh M hoặc chị S có yêu cầu vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm phối hợp đến Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã Quyết định:

Căn cứ vào các Điều 37, 45, 59, 60 và Điều 62 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" giữa anh Nguyễn Văn M với chị Đàm Thị S.

1.1. Giao cho anh Nguyễn Văn M được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà mái bằng 1 tầng và các công trình khác xây dựng trên diện tích 160m² tại xóm 11 (thôn Cau), xã N trên thửa 72 tờ bản đồ số 20 theo GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn Hiến và bà Nguyễn Thị Hiền, tổng giá trị là 537.710.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực NLQ18 và NLQ19 có nghĩa vụ cùng anh M làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất 160m² thửa 72, tờ bản đồ số 20 tại xóm 11 (thôn Cau), xã N, huyện Nam Trực tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (có sơ đồ kèm theo).

Anh M có trách nhiệm trả khoản nợ chung của anh M và chị S phải trả cho NLQ17 và anh Phạm Hồng Thứ (Rung) 20 triệu đồng. Thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đàm Thị S với số tiền là 259 (hai trăm năm mươi chín) triệu đồng.

Anh M có trách nhiệm trả nợ riêng cho NLQ12, NLQ13 03 (ba) chỉ vàng 9999 và NLQ14, NLQ15 10 (mười) triệu đồng.

1.2. Chị Đàm Thị S được nhận thanh toán chênh lệch tài sản từ anh M với số tiền là 259.000.000 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu đồng).

Chị Đàm Thị S có trách nhiệm trả nợ riêng cho: NLQ1 và NLQ2 10 (mười triệu) đồng và 17 chỉ vàng 9999; NLQ6 và NLQ5 25 (hai mươi lăm) triệu đồng và 08 (tám) chỉ vàng 9999; NLQ7 và NLQ8 03 (ba) chỉ vàng 9999; NLQ9 và NLQ10 40 (bốn mươi) triệu đồng và 1,5 (một phẩy năm) chỉ vàng 9999; NLQ3 và NLQ4 10 (mười) chỉ vàng 9999 và NLQ11 45 (bốn mươi lăm) triệu và 16 (mười sáu) chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh M phải nộp 13.423.000 đồng án phí chia tài sản, được đối trừ vào số tiền 7.500.000 đồng anh M đã nộp theo biên lai thu số 0001120 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, anh M còn phải nộp 5.923.000 đồng (năm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí.

Chị S phải nộp 13.463.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí chia tài sản chung.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực có kháng nghị với nội dung: Kháng nghị quyết định về án phí dân sự

sơ thẩm. Bản án sơ thẩm quyết định về án phí chia tài sản và công nợ chung không đúng quy định, quyết định về án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định giữ nguyên nội dung kháng nghị và trình bày quan điểm: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực là có căn cứ. Đối với khoản nợ chung của vợ chồng được trừ vào khối tài sản chung rồi chia cho từng người sau đó mới tính án phí. Anh M, chị S có trách nhiệm trả nợ riêng như vậy anh M và chị S phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tương ứng với trách nhiệm của từng người. Bản án sơ thẩm không buộc án phí đối với những khoản nợ mà anh M, chị S có trách nhiệm trả nợ riêng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngày 12/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực nhận được đơn kháng cáo đề ngày 12/10/2020 của chị Đàm Thị S là bị đơn trong vụ án. Cùng trong ngày 12/10/2020, chị Đàm Thị S cũng trực tiếp được nhận “Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm” của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Tuy nhiên, đã hết 10 ngày kể từ ngày nhận được “Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm” và cho đến ngày xét xử phúc thẩm hôm nay, chị Đàm Thị S vẫn chưa nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Căn cứ Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chị Đàm Thị S vẫn chưa nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được coi là chị S đã từ bỏ việc kháng cáo.

- Đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, chị Nguyễn Thị Lệ, NLQ14, NLQ15, anh Phạm Hồng Thứ, NLQ17, NLQ18, NLQ19 và NLQ20 là những người không khởi kiện, không bị kiện nhưng việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi,

nghĩa vụ của họ. Do vậy, xác định những người có tên nêu trên tham gia tố tụng với tư cách là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình; Căn cứ quy định của pháp luật; căn cứ thực trạng sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài sản của các bên, cấp sơ thẩm đã giao cho anh M được quyền sở hữu, sử dụng nhà và các công trình xây dựng trên đất có tổng trị giá là 537.710.000 đồng; anh M có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị S. Chị Đàm Thị S được nhận thanh toán chênh lệch tài sản từ anh M với số tiền là 259 triệu đồng.

Chị S có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản vay của: NLQ1 và NLQ2 10 (mười triệu) đồng và 17 chỉ vàng 9999; NLQ6 và NLQ5 25 (hai mươi lăm) triệu đồng và 08 (tám) chỉ vàng 9999; NLQ7 và NLQ8 03 (ba) chỉ vàng 9999; NLQ9 và NLQ10 40 (bốn mươi) triệu đồng và 1,5 (một phẩy năm) chỉ vàng 9999; NLQ3 và NLQ4 10 (mười) chỉ vàng 9999 và NLQ11 45 (bốn mươi lăm) triệu và 16 (mười sáu) chỉ vàng 9999.

Anh M có trách nhiệm trả cho NLQ17 NLQ16 20 triệu đồng là khoản nợ chung của vợ chồng và trả toàn bộ khoản vay của NLQ12 và NLQ13 03 (ba) chỉ vàng 9999 và NLQ14 NLQ15 10 (mười) triệu đồng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã buộc anh M phải chịu án phí chia tài sản là 13.423.000 đồng; chị S phải chịu án phí chia tài sản là 13.463.000 đồng.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Toà án cấp sơ thẩm đã buộc anh M phải chịu án phí chia tài sản là 13.423.000 đồng; chị S phải chịu án phí chia tài sản là 13.463.000 đồng, như vậy là chưa chính xác.

Theo quy định, các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia. Trong vụ án này, anh M, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi đã trừ đi khoản nợ chung của vợ chồng. Như vậy, $(537.710.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng}) : 2 = 258.855.000 \text{ đồng}$ là trị giá tài sản mà mỗi đương sự được hưởng. Do cấp sơ thẩm đã buộc anh M có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị S với số tiền là 259 triệu đồng. Vậy nên, chị S phải chịu án phí chia tài sản là 12.950.000 đồng; anh M phải chịu án phí chia tài sản là 12.935.000 đồng.

Ngoài ra, các đương sự còn phải chịu án phí đối với các khoản nợ riêng mà họ có trách nhiệm phải trả cho những người liên quan tương ứng với trách nhiệm của từng người. Cụ thể:

* Anh Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả khoản nợ riêng cho NLQ12, NLQ13 03 (ba) chỉ vàng 9999; trả cho NLQ14, NLQ15 10 (mười) triệu đồng.

Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: 5.440.000 đồng/ 1 chỉ

Do vậy, anh M còn phải chịu án phí đối với các khoản nợ riêng mà anh phải có nghĩa vụ thực hiện số tiền là: 1.316.000 đồng.

* Chị Đàm Thị S có trách nhiệm trả nợ riêng cho:

- NLQ1 và NLQ2 10 (mười triệu) đồng và 17 chỉ vàng 9999;
- NLQ6 và NLQ5 25 (hai mươi lăm) triệu đồng và 08 (tám) chỉ vàng 9999;
- NLQ7 và NLQ8 03 (ba) chỉ vàng 9999;
- NLQ9 và NLQ10 40 (bốn mươi) triệu đồng và 1,5 (một phẩy năm) chỉ vàng 9999;
- NLQ3 và NLQ4 10 (mười) chỉ vàng 9999;
- NLQ11 45 (bốn mươi lăm) triệu và 16 (mười sáu) chỉ vàng 9999.

Tổng = 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và 55,5 chỉ vàng 9999.

Do vậy, chị S còn phải chịu án phí đối với các khoản nợ riêng mà chị phải có nghĩa vụ thực hiện số tiền là: 20.876.800 đồng.

[4] Do Viện kiểm sát kháng nghị và cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ: khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 37, 45, 59, 60, 62 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự;

Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" giữa anh Nguyễn Văn M với chị Đàm Thị S.

2. Giao cho anh Nguyễn Văn M được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà mái bằng 1 tầng cùng các công trình xây dựng trên diện tích 160m² tại xóm 11 (thôn

Cau), xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định thuộc thửa đất số 72 tờ bản đồ số 20, có tổng trị giá là 537.710.000 đồng. Thửa đất hiện mang tên ông Nguyễn Văn Hiến và bà Nguyễn Thị Hiến trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Anh Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả cho NLQ17 và anh Phạm Hồng Thứ (Rung) 20 triệu đồng. Thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đàm Thị S với số tiền là 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng).

Anh M có trách nhiệm trả các khoản nợ riêng cho NLQ12, NLQ13 03 (ba) chỉ vàng 9999; trả cho NLQ14, NLQ15 10.000.000 đồng (mười) triệu đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, NLQ18 và NLQ19 có nghĩa vụ cùng anh Nguyễn Văn M làm thủ tục sang tên quyền sử dụng 160m² đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20, xóm 11 (thôn Cau), xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Chị Đàm Thị S được nhận thanh toán chênh lệch tài sản từ anh Nguyễn Văn M với số tiền là 259.000.000 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu đồng)

Chị Đàm Thị S có trách nhiệm trả các khoản nợ riêng cho: NLQ1 và NLQ2 10.000.000 đồng (mười triệu) và 17 (mười bảy) chỉ vàng 9999; NLQ6 và NLQ5 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và 08 (tám) chỉ vàng 9999; NLQ7 và NLQ8 03 (ba) chỉ vàng 9999; NLQ9 và NLQ10 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và 1,5 (một phẩy năm) chỉ vàng 9999; NLQ3 và NLQ4 10 (mười) chỉ vàng 9999; NLQ11 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và 16 (mười sáu) chỉ vàng 9999.

5. Về án phí:

- Án phí chia tài sản: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 12.935.500 đồng (Mười hai triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Đối trừ số tiền 7.500.000 đồng anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001120 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, anh M còn phải nộp 5.435.500 đồng (Năm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Chị Đàm Thị S phải nộp 12.950.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với các khoản nợ riêng:

Anh Nguyễn Văn M phải nộp 1.316.000 đồng (Một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Chị Đàm Thị S phải nộp 20.876.800 đồng (Hai mươi triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự không phải nộp.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Minh Hồng

